

Liên kết kinh tế trong công ty mẹ - công ty con ở nước ta: vấn đề và giải pháp

CÔNG VĂN DỊ



Một trong những hiện tượng kinh tế nổi bật trong mấy năm gần đây ở khu vực doanh nghiệp nhà nước, đó là việc thí điểm thành lập công ty mẹ - công ty con. Một kỳ vọng được đặt ra là thay thế quan hệ hành chính (cấp phát và giao nhận vốn kèm theo mệnh lệnh hành chính, thủ tục hành chính) trong các công ty và tổng công ty nhà nước bằng quan hệ kinh tế thể hiện ở sự liên kết kinh tế giữa công ty mẹ và công ty con. Trên thế giới từ lâu vấn đề liên kết kinh tế giữa các doanh nghiệp, nhất là trong các công ty mẹ - công ty con đã trở thành thông lệ. Còn ở Việt Nam, vấn đề thành lập công ty mẹ - công ty con mới được đặt ra và sự liên kết kinh tế giữa chúng cũng do đó trở thành vấn đề mới mẻ cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Đến nay sau vài năm thí điểm thành lập công ty mẹ - công ty con, tuy chưa thật chín muồi, nhưng cũng cần bước đầu xem xét, đánh giá vấn đề liên kết kinh tế trong công ty mẹ - công ty con về mặt lý luận và thực tiễn.

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về liên kết kinh tế giữa các công ty

1.1. Một số khái niệm cơ bản về công ty và liên kết kinh tế

1.1.1 Công ty

Theo cách tiếp cận của kinh tế học, các học giả ở các nước phát triển như Anh, Mỹ⁽¹⁾ đã có quan niệm hầu như thống nhất về công ty. Để đơn giản hóa các hình thức tổ chức trong sản xuất kinh doanh, họ thường mô tả rằng có 3 loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp cá thể, doanh nghiệp chung vốn, công ty.

Có thể nói vắn tắt như sau:

- Doanh nghiệp cá thể là doanh nghiệp của chỉ một cá nhân. Cá nhân đó có toàn quyền quyết định đối với thu nhập hay doanh thu của doanh nghiệp và hoàn toàn chịu trách nhiệm về bất cứ sự thua lỗ nào trong doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp chung vốn (còn gọi là hội đồng vốn, cơ sở chung vốn) là một doanh nghiệp có một thoả thuận kinh doanh trong đó hai hoặc nhiều người cùng sở hữu một doanh nghiệp, chia sẻ lợi nhuận và cùng chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thua lỗ nào (có trách nhiệm vô hạn)

- Công ty là một tổ chức về mặt pháp lý được phép sản xuất, buôn bán và được tồn tại riêng biệt đối với những người sở hữu của nó. Quyền sở hữu ở đây được chia sẻ giữa các cổ đông (mỗi cổ đông nắm giữ một số cổ phần), điều quan trọng ở đây là mỗi cổ đông của công ty chỉ có trách nhiệm hữu hạn. Cái mà họ có thể mất cùng lắm là số tiền của họ dùng ban đầu để mua cổ phiếu. Về mặt quy mô, công ty có thể rất lớn, ví dụ như có thể là một conglomerat - một loại công ty có quy mô cực lớn trên thế giới hiện nay. Như vậy, đã gọi là công ty phải gắn với các cổ đông. Công ty - cổ đông - cổ phần - cổ phiếu là chuỗi các thuật ngữ được dùng trong công ty.

Ở nước ta, quan niệm về công ty được thể hiện trong Luật Công ty⁽²⁾. Công ty (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần gọi chung là công ty) là doanh nghiệp trong đó có các thành viên cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các

Công Văn Dị, PGS.TS. Viện Kinh tế Việt Nam.

khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình vào công ty. Trong công ty cổ phần, vốn điều lệ của công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Giá trị mỗi cổ phần gọi là mệnh giá cổ phiếu. Mỗi cổ đông có thể mua một hoặc nhiều cổ phiếu. Như vậy quan niệm công ty ở nước ta cũng tương tự như ở các nước và cũng bao gồm chuỗi thuật ngữ: công ty - cổ phần - cổ đông - cổ phiếu.

Ở đây cũng cần đề cập đến thuật ngữ tổng công ty nhà nước. Trong Luật Doanh nghiệp nhà nước⁽³⁾ có nói rằng: tổng công ty nhà nước được thành lập và hoạt động trên cơ sở liên kết của nhiều đơn vị thành viên, nó là tổ chức kinh doanh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài sản và có các quỹ tập trung theo quy định của Chính phủ, được Nhà nước giao quản lý vốn, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn. Tổng công ty nhà nước có thể có các loại đơn vị thành viên: đơn vị hạch toán độc lập, đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp. Thực ra cho đến nay, nhiều đơn vị hạch toán độc lập như kể trên đã tiến hành cổ phần hóa và trở thành công ty cổ phần và dĩ nhiên là trong doanh nghiệp đó có sử dụng cổ phiếu. Như vậy các thuật ngữ tổng công ty - công ty - cổ đông - cổ phần - cổ phiếu cũng được dùng trong doanh nghiệp nhà nước. Do đó các thuật ngữ đó cũng được dùng ở tổ hợp doanh nghiệp: công ty mẹ - công ty con (hiện nay về cơ bản là của Nhà nước).

1.1.2. Liên kết kinh tế

Trong hệ thống thuật ngữ, Integration nguyên là một từ gốc Latinh, có nghĩa là gộp vào, hợp nhất, hoà nhập, phối hợp, sáp nhập; có một thời kỳ danh từ đó được dịch là "nhất thể hóa", hơn hai năm lại đây, mới được dịch là liên kết. Và đương nhiên, thuật ngữ Economic Integration được dịch là "liên kết kinh tế". Mặc dù vậy, cách hiểu về liên kết kinh tế (LKKT) của các nhà

nghiên cứu kinh tế còn có sự khác nhau nhất định.

Một số người coi LKKT là một tổ chức sản xuất xã hội giống như tập trung hóa, hợp tác hóa, liên hiệp hóa sản xuất. Một số người lại cho rằng LKKT là một phạm trù kinh tế phản ánh các mối quan hệ kinh tế về hợp tác, liên doanh, liên hợp. Một số người khác lại quan niệm LKKT là một phạm trù biểu hiện sự phối hợp hoạt động của các cá nhân, tổ chức hoặc các quốc gia nhằm thực hiện những mục tiêu nhất định, với hiệu quả kinh tế cao nhất.

Trong văn bản của Nhà nước hiện nay, LKKT được coi là: "Những hình thức phối hợp hoạt động, do các đơn vị kinh tế tự nguyện tiến hành để cùng nhau bàn bạc và đề ra các chủ trương biện pháp có liên quan đến công việc sản xuất, kinh doanh của mình, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng có lợi nhất"⁽⁴⁾.

Tuy nhiên, nếu coi sự vận động của nền sản xuất xã hội là một quá trình thì LKKT là một phương thức của sự vận động đó. LKKT cũng là một quá trình kinh tế, luôn luôn vận động và phát triển; nói rộng ra, nó là hình thức vận động của quan hệ sản xuất xã hội thích ứng với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất ở từng giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường. Nó phản ánh các mối quan hệ về hợp tác, liên doanh và liên hợp. Do đó có thể hiểu thực chất của LKKT là quá trình xã hội hóa về phương diện kinh tế nền sản xuất xã hội và hướng tới lợi nhuận tối đa. Lợi ích kinh tế tạo ra sự gắn bó giữa các doanh nghiệp và liên kết lại với nhau.

Có thể nói không quá rằng LKKT là một quá trình vận động khách quan, tùy thuộc vào trình độ, phạm vi của phân công và chuyên môn hóa sản xuất kinh doanh, vào sự phát triển của các quan hệ kinh tế của các doanh nghiệp, vào lợi nhuận của các bên liên kết. Do đó không thể áp đặt về phương diện tổ chức từ bên ngoài, hoặc bên

trên bất kỳ một hình thức LKKT theo ý muốn chủ quan nào.

1.2. Một vài khía cạnh về mặt logic và lịch sử của LKKT

Về mặt logic và lịch sử, người ta thấy rằng LKKT phát triển thông qua các nấc thang nhất định và thể hiện bởi những hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh.

Nhìn vào lịch sử hoạt động kinh tế của nhân loại, ta thấy LKKT đã xuất hiện từ lâu. Ngay từ thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa, đã có hình thức "phường hội" của những thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ. "Phường hội" chính là phương thức sơ khai của LKKT, nó liên kết các thợ thủ công nhỏ lẻ và những người buôn bán nhỏ để hợp lực lại, tăng sức cạnh tranh. Vào thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, thời kỳ "Công trường thủ công" thế kỷ XVI - XVII, các công ty cổ phần đầu tiên đã xuất hiện, trong đó đã có sự liên kết giữa các công trường thủ công độc lập. Có những công trường thủ công làm pha lê kết hợp với công trường thủ công mài thủy tinh và công trường thủ công đúc đồng⁽⁵⁾.

Vào cuối thế kỷ XIX, các hình thức liên kết theo chiều ngang như Các-ten, (cartel), Xanh-đi-ca (Syndicake) Tờ-rốt (trust) đã xuất hiện và chiếm ưu thế. Các-ten là hình thức LKKT ở mức thấp nhất. Các doanh nghiệp tham gia vào Các-ten vẫn hoàn toàn độc lập trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhưng họ thoả thuận với nhau về giá cả, thị trường tiêu thụ và khối lượng sản phẩm sản xuất ra. Các-ten nổi tiếng nhất lúc đó là Các-ten dầu lửa, đã thống nhất những công ty lớn nhất thế giới để giữ giá dầu, nhằm thu lợi nhuận cao cho những giêng dầu ở Téch-dát (Texas).

Trong các Xanh-đi-ca thì sản xuất là hoạt động độc lập của các doanh nghiệp, còn tiêu thụ thì do một ban quản trị của tổ chức này đảm nhiệm; so với Các-ten, Xanh-đi-ca là hình thức LKKT ở mức cao hơn.

Tờ - rớt là hình thức LKKT cao nhất vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Nó liên kết

toàn bộ các hoạt động sản xuất, tiêu thụ và tài chính của các doanh nghiệp thành viên, dưới sự điều hành của ban quản trị. Điều quan trọng ở đây là mỗi doanh nghiệp tham gia Tờ-rớt trở thành một cổ đông và hưởng lợi nhuận theo cổ phần đóng góp. Nó trở thành một công ty cổ phần khổng lồ thống trị một ngành nào đó. Vào thời kỳ này, ở Đức thì Các-ten chiếm ưu thế, ở Pháp thì Xanh-đi-ca chiếm ưu thế, còn Tờ-rớt lại chiếm ưu thế ở Mỹ⁽⁶⁾.

Vài chục năm gần đây, xuất hiện các hình thức liên kết kinh tế đa ngành như các tổ chức Công-xooc-xi-om (Consortium), Công-xen (Cocern), Công-gờ-lô-mê-rát (conglomerate), Nhóm công ty (Group). Thực chất chúng là những công ty cổ phần lớn, tập đoàn kinh tế khổng lồ, tập hợp những lĩnh vực hoạt động độc lập về mặt kỹ thuật, nhằm chia sẻ rủi ro trên nhiều lĩnh vực hoạt động và bảo đảm phương tiện tài chính và vật chất kỹ thuật để mở rộng và tập trung sản xuất, kinh doanh. Hiện nay hình thức LKKT kiểu Công-gờ-lô-mê-rát phát triển rộng khắp. Ví dụ tập đoàn SAMSUNG (Hàn Quốc), General Motor (Mỹ) Misubishi (Nhật Bản) v.v... Cụ thể hơn là tập đoàn Misubishi hay Toyota Motor ở Nhật Bản đã tránh "Luật Chống độc quyền" bằng các hình thức liên kết các công ty vừa và nhỏ thành một hệ thống vành đai "vệ tinh" bao quanh các công ty mẹ (công ty lớn).

Như vậy vấn đề công ty cổ phần, công ty mẹ, công ty con luôn là hình thức cốt lõi của LKKT trong các công ty, hãng, tập đoàn...

1.3. Những đặc trưng của LKKT

Một là, LKKT là một phạm trù kinh tế khách quan, nó phản ánh mối quan hệ nội tại xuất phát từ các lợi ích kinh tế khách quan giữa những chủ thể kinh tế. Hai là, LKKT bao gồm những quan hệ kinh tế đạt đến trình độ gắn bó chặt chẽ, ổn định, thường xuyên, lâu dài, thông qua những hợp đồng giữa các bên tham gia liên kết. Như vậy, những quan hệ kinh tế nhất thời, buôn bán thường nhật, ngẫu nhiên, bất kỳ giữa các doanh nghiệp không phải là

LKKT. Ba là, LKKT là một quá trình làm xích lại gần nhau và ngày càng cố kết, đi đến thống nhất trên tinh thần tự nguyện giữa các thành viên liên kết. Quá trình này vận động qua những nấc thang nhất định như: hợp tác, liên doanh, liên minh, hợp nhất lại...

1.4. Về liên kết kinh tế trong mô hình công ty mẹ - công ty con ở Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trước hết, nói vắn tắt về tập đoàn kinh doanh ở Trung Quốc như sau:

Ở Trung Quốc, tập đoàn kinh doanh là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân. Cơ cấu tổ chức của nó ⁽⁸⁾ bao gồm 1 công ty mẹ và nhiều công ty con.

Công ty mẹ là công ty 100% vốn của nhà nước. Các công ty con có thể là công ty 100% vốn nhà nước hoặc công ty cổ phần.

Tập đoàn kinh doanh ở Trung Quốc được hình thành theo 3 cách:

- Thứ nhất, do Chính phủ quyết định thành lập bằng quyết định hành chính.

- Thứ hai, do một số doanh nghiệp nhà nước làm nòng cốt để đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

- Thứ ba, thông qua hoạt động mua bán và sáp nhập của các doanh nghiệp.

Trong tập đoàn kinh doanh kể trên đã áp dụng mô hình công ty mẹ - công ty con (mô hình này đã được áp dụng phổ biến hiện nay). Có hai loại hình cơ bản sau:

- Công ty mẹ chỉ thực hiện chức năng quản lý vốn và quản lý về chiến lược, không tham gia vào các hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- Công ty mẹ thực hiện hai chức năng: quản lý vốn và quản lý sản xuất- kinh doanh.

Mặt liên kết kinh tế giữa công ty mẹ và công ty con thể hiện như sau:

- Liên kết theo dây chuyền sản xuất-kinh doanh. Trong mô hình này, công ty mẹ có chức năng xây dựng chiến lược kinh doanh và tiếp thị, phát triển sản phẩm, huy

động và phân bổ vốn đầu tư, quan hệ đối ngoại, đào tạo nhân lực. Ngoài ra, công ty mẹ còn có nhiệm vụ kiểm soát một mạng lưới các công ty con, công ty cháu theo dạng hình chóp (cấp 1, cấp 2, cấp 3).

- Liên kết giữa nghiên cứu khoa học - sản xuất - kinh doanh: công ty mẹ đóng vai trò là trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện đại, các công ty con có chức năng ứng dụng kết quả nghiên cứu đó.

- Liên kết bằng vốn: sử dụng cơ chế góp vốn của công ty mẹ vào công ty con để hoàn thiện tổ chức quản lý sản xuất - kinh doanh của công ty con. Ở đây, công ty mẹ dùng quyền chủ sở hữu để quyết định về cơ cấu tổ chức quản lý, quyết định dự án đầu tư, giám sát đánh giá hoạt động sản xuất- kinh doanh của công ty con. Tuy nhiên, các công ty con vẫn có tư cách pháp nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh độc lập.

Mặc dù các dạng liên kết kinh tế giữa công ty mẹ - công ty con dựa trên những nền tảng khác nhau, song đều là sự chi phối bởi các yếu tố như tài sản cố định, tài sản lưu động, tài sản vô hình (như sở hữu công nghệ, phát minh khoa học công nghệ, uy tín sản phẩm, thị trường...). Sức mạnh chi phối của công ty mẹ phụ thuộc rất nhiều vào khả năng nắm giữ các nguồn tài sản kể trên.

Mô hình công ty mẹ - công ty con đang được thí điểm thực hiện ở nước ta, tuy nhiên các kinh nghiệm về LKKT giữa công ty mẹ - công ty con của Trung quốc như vừa nêu trên rất đáng để cho chúng ta vận dụng, nhất là việc liên kết bằng vốn và liên kết giữa khoa học- sản xuất- kinh doanh.

2. Thực trạng của liên kết kinh tế của công ty mẹ - công ty con ở giai đoạn thí điểm trong các tổng công ty và công ty nhà nước

2.1 Các căn cứ pháp lý của việc thành lập công ty mẹ - công ty con và liên kết kinh tế giữa chúng

2.1.1 Các văn bản mang tính pháp lý về việc tổ chức các mô hình công ty và tổng công ty

Việc đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước nói chung và đổi mới mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước nói riêng là một quá trình tương đối lâu dài. Vì vậy, ở đây cần trình bày tóm lược các loại văn bản pháp luật về việc tổ chức các mô hình công ty và tổng công ty nhà nước, trước khi đề cập đến văn bản pháp luật về việc chuyển công ty và tổng công ty nhà nước sang mô hình công ty mẹ - công ty con.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, Chính phủ đã có các văn bản pháp luật như:

- Nghị định 27/HĐBT ngày 22-3-1989 ban hành điều lệ liên hiệp XNQD.

- Quyết định 90/TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp tổ chức lại tổng công ty.

Quyết định 91/TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập một số tổng công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh doanh.

- Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20-4-1995.

- Nghị định số 39/CP ngày 27-6-1995 về ban hành điều lệ mẫu về tổ chức hoạt động của tổng công ty nhà nước.

- Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 12-6-1999.

- Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26-4-2002 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước.

Các văn bản pháp quy đó liên quan trực tiếp đến việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước đối với các tổng công ty nhà nước. Trên cơ sở thực tiễn hoạt động của các TCT 90, TCT 91, thời gian qua, các TCT nhà nước đã chứng tỏ vị trí nòng cốt trong nền kinh tế quốc dân, nắm hầu hết các lĩnh vực kinh tế then chốt của quốc gia. Tuy nhiên, sự đóng góp của các tổng công ty vào quá trình phát triển kinh tế nước ta chưa tương xứng với nguồn vốn đầu tư, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn

nhân lực về yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế đang tiến mạnh vào hội nhập kinh tế quốc tế.

Nguyên nhân chính của những hạn chế đó nằm trong cách tổ chức quản lý tổng công ty và phương thức hạch toán kinh tế của nó. Trong đó nguyên nhân cơ bản nhất là các tổng công ty vẫn hoạt động như một cấp hành chính trung gian giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp nhà nước thành viên. Các doanh nghiệp nhà nước thành viên chưa được quyền hoạch toán kinh doanh độc lập. Trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các doanh nghiệp thành viên chưa rõ ràng, làm hạn chế hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Như vậy việc tiếp thu đổi mới doanh nghiệp nhà nước (công ty và tổng công ty nhà nước) là một đòi hỏi tất yếu khách quan. Theo Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX, với chủ trương: thí điểm rút kinh nghiệm để nhân rộng việc chuyển đổi Tổng công ty Nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó công ty mẹ đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thành viên là những công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ hoặc là công ty cổ phần mà công ty mẹ giữ cổ phần chi phối. Ngoài ra công ty mẹ có thể đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

2.1.2. Các văn bản mang tính pháp lý về thí điểm tổ chức công ty mẹ - công ty con.

Trên tinh thần nêu trên của Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều quyết định cho phép các công ty và tổng công ty nhà nước thực hiện thí điểm tổ chức cơ chế hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Ví dụ như:

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 14/2004/QĐ-TTg ngày 29-1-2004 về việc cho phép thực hiện cơ chế của Viện Máy và dụng cụ công nghiệp chuyển thành doanh

ng nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ, thí điểm tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 58/2004/QĐ-TTg ngày 7-4-2004 về việc phê duyệt đề án thí điểm chuyển Tổng công ty Bia - rượu - nước giải khát Hà Nội sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 82/2002/QĐ-TTg ngày 12-5-2004 về việc thí điểm tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con tại Công ty Phát triển khu công nghiệp Sài Gòn thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 94/2002/QĐ-TTg ngày 27-5-2004 về việc thí điểm tổ chức, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con tại Tổng công ty địa ốc Sài Gòn.

- v.v.....

- Đến ngày 9-8-2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 153/2004/NĐ - CP về tổ chức, quản lý TCT nhà nước và chuyển đổi TCT nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Một nội dung quan trọng của Nghị định này là vấn đề xây dựng điều lệ hoạt động và quy chế tài chính. Có thể khái quát vấn đề LKKT bằng đầu tư vốn trong các văn bản kể trên như sau:

Ở đây không phải là TCT (với tư cách là chủ đầu tư) đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thành viên hoặc công ty cổ phần mà TCT giữ cổ phần chi phối. Vấn đề đầu tư đó đã được thay đổi cả về hình thức lẫn nội dung. Đến giai đoạn này của tiến trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đã xuất hiện một hiện tượng kinh tế mới, đó là việc cho ra đời công ty mẹ bằng nhiều cách, trong đó cách chính là công ty mẹ được hình thành từ văn phòng, các phòng ban nghiệp vụ của TCT cũ và các xí nghiệp, phân xưởng phụ thuộc TCT cũ. Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước, hoạt động theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp nhà nước.

Các công ty con cũng được thành lập cùng với sự ra đời của công ty mẹ. Các công ty con thường bao gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, do công ty mẹ nắm giữ vốn điều lệ.

- Công ty có vốn góp chi phối (trên 50% vốn điều lệ) của công ty mẹ như công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài.

- Công ty liên kết (là các công ty có một phần vốn góp không chi phối dưới 50% vốn điều lệ của công ty mẹ) được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài.

Điều đặc biệt ở đây là công ty mẹ - công ty con (kể cả công ty liên kết) có trách nhiệm kế thừa các quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ của TCT, công ty thành viên cũ.

2.2. Thực trạng LKKT công ty mẹ - công ty con

Việc chuyển đổi hình thức liên kết, từ liên kết mang tính "hành chính" sang LKKT đã trở thành phương châm hành động của việc tiếp tục đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Do đó cho dù ở giai đoạn thí điểm, từ các văn bản pháp quy về chuyển đổi TCT, công ty thành viên (của TCT) sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con đến việc thực hiện, trong thực tế đều gắn chặt với việc liên kết kinh tế. Với cách xem xét như vậy có thể nghiên cứu thực trạng LKKT công ty mẹ - công ty con ở giai đoạn thí điểm theo cách mô tả tình hình triển khai đánh giá kết quả bước đầu.

2.2.1. Khái quát tình hình triển khai thí điểm công ty mẹ - công ty con ở các TCT và công ty

Có thể nói rằng quyết định đầu tiên của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm chuyển TCT, công ty nhà nước theo mô hình công ty mẹ - công ty con là vào năm

2001 đối với TCT Hàng hải Việt Nam dưới hình thức TCT tham gia góp vốn tại doanh nghiệp thành viên.

Cho đến cuối năm 2004 đã có 46 doanh nghiệp gồm⁽⁹⁾: 27 TCT nhà nước, 17 công ty nhà nước độc lập và 2 công ty thành viên hạch toán độc lập của TCT được Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép xây dựng đề án thí điểm tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Cũng đến thời điểm đó, 36 doanh nghiệp, 19 TCT, 16 công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc TCT và một viện nghiên cứu khoa học đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm.

Trong số 36 đề án đã được phê duyệt này có 6 đơn vị được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng của bộ quản lý ngành và UBND cấp tỉnh phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động, trong đó có 2 đơn vị đã được Bộ Tài chính phê duyệt Quy chế chính.

Các Bộ, địa phương và TCT còn lại đang dựa vào Nghị định số 153/2004/ NĐ -CP ngày 9-8-2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý TCT nhà nước và chuyển đổi TCT nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con để xây dựng điều lệ và quy chế tài chính.

Để có thể xem xét một cách cụ thể hơn, xin nêu một ví dụ về việc tiến hành thí điểm mô hình công ty mẹ - công ty con ở hai doanh nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp. Bộ Công nghiệp đã tiến hành thí điểm mô hình công ty mẹ - công ty con tại Công ty Xây lắp điện 3 và Viện Máy và dụng cụ công nghiệp (IMI)

Đối với Công ty Xây lắp điện 3: với quyết định của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (QĐ số 46/2002/QĐ - BCN ngày 22-10-2002) về thí điểm mô hình công ty mẹ - công ty con, Công ty đã tổ chức thực hiện và kết quả là: thành lập 1 công ty mẹ, 13 công ty con. Các công ty con bao gồm: 1 công ty nhà nước, 2 công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 8 công ty cổ phần,...

Đối với IMI: sau khi được Chính phủ cho phép triển khai thí điểm và Bộ Công nghiệp phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; IMI (với vai trò là công ty mẹ) đã tổ chức thành lập 10 đơn vị thành viên gồm 3 đơn vị nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, 2 công ty con nhà nước do IMI nắm giữ 100% vốn điều lệ, 2 công ty con là các công ty đa sở hữu do IMI nắm giữ cổ phần chi phối (51%), 3 công ty liên kết do IMI góp vốn và chi phối bằng bản quyền công nghệ^{(10), (11)}.

2.2.2. Đánh giá kết quả bước đầu của việc thành lập doanh nghiệp theo mô hình công ty mẹ - công ty con

- Về đối tượng chuyển đổi: kết quả triển khai thí điểm cho thấy rằng, đối tượng chuyển đổi trong cuộc thí điểm chủ yếu là các TCT nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước độc lập. Các công ty thành viên hạch toán độc lập của TCT thực hiện thí điểm theo mô hình công ty mẹ - công ty con là không đáng kể (Công ty May Việt Tiến, Công ty Dệt - May Hà Nội).

- Về cơ cấu tổng thể: chỉ có 7 TCT thuộc UBND cấp tỉnh được thành lập mới theo mô hình công ty mẹ - công ty con, số còn lại là chuyển đổi từ các TCT nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước độc lập.

- Về tiến độ thực hiện: mặc dù có cố gắng nhưng số lượng doanh nghiệp hoàn thành việc chuyển đổi mô hình còn ít và tiến hành chậm. Có doanh nghiệp đưa vào thí điểm rất sớm (TCT Hàng Hải, từ năm 2001), nhưng về loại hình doanh nghiệp là TCT thì chưa có TCT nào hoàn thành việc chuyển đổi. Đến cuối năm 2004 mới chỉ có 2 công ty nhà nước độc lập hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hoàn tất việc thí điểm chuyển đổi. Gần đây đã có sự phân cấp cho các cấp bộ, UBND cấp tỉnh phê duyệt điều lệ, nên số doanh nghiệp hoàn thành việc phê duyệt đề án và điều lệ có tăng lên.

- Về mặt hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp theo mô hình công ty mẹ - công ty con: về cơ bản có thể thấy

hiệu quả là rất tốt, có những chuyển biến tích cực. Một vài dẫn chứng như: ở Công ty Xây lắp, Xuất nhập khẩu vật liệu và Kỹ thuật xây dựng, sau 2 năm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, tổng tài sản đã tăng từ 82,5 tỷ đồng (cuối năm 2000) lên 468,6 tỷ đồng (năm 2003), vốn kinh doanh cũng tăng từ 15,4 tỷ đồng (năm 2000) lên 55 tỷ đồng (năm 2003). Như vậy tổng tài sản sau 2 năm tăng 5,68 lần và vốn kinh doanh tăng 3,57 lần. Ở Tổng công ty Bến Thành, lợi nhuận của năm trước chuyển đổi (năm 2003) là 25 tỷ đồng khi chuyển đổi (năm 2004) đã tăng lên 38 tỷ đồng. Ở Công ty Xây lắp điện 3, sau một năm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, năm 2003 so với năm 2002, giá trị tổng sản lượng tăng 74,73%, doanh thu tăng 23,17%, lợi nhuận tăng 56,31%. Ở Công ty IMI, sau hơn 1 năm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (so với năm 2002) vốn điều lệ tăng lên 60%, doanh thu tăng 80%, thu nhập của cán bộ công nhân viên tăng 25%.

- Về mặt liên doanh liên kết: một mặt, đã bước đầu tạo động lực cho công ty mẹ tập trung mối quan tâm vào tích tụ vốn, sử dụng các ưu thế do cơ chế thị trường và chính sách của Nhà nước mang lại để phát triển mạnh mẽ mặt liên kết kinh tế (chủ yếu dựa vào vốn đầu tư, thị trường công nghệ v.v...); mặt khác, vừa tạo sự LKKT chặt chẽ, vừa phát huy quyền tự chủ cho các công ty, kể cả công ty mẹ - công ty con, giúp loại bỏ những công ty làm ăn thua lỗ và tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực đầu tư có hiệu quả hơn.

Các công ty mẹ đã giữ vai trò trung tâm đầu tư vốn cho các công ty con, theo đó chi phối các hoạt động của công ty con theo cấp độ nhất định phụ thuộc vào mức độ góp vốn của công ty mẹ. Các công ty con đều là những pháp nhân đầy đủ, LKKT với công ty mẹ và chịu sự phân cấp liên doanh hợp tác của công ty mẹ. Ngoài ra xuất phát từ thực chất LKKT của công ty mẹ - công ty con đã

tạo điều kiện cho các tổ hợp công ty mẹ - công ty con (chuyển đổi từ TCT là công ty nhà nước) giảm được chi phí trung gian do giao dịch nội bộ, giảm bớt lượng lao động gián tiếp (trước đây mỗi thành viên trong TCT đều có cơ cấu tổ chức giống nhau (có cùng các phòng, ban tương tự nhau)) sau chuyển đổi sang mô hình mới, một số phòng ban chuyên môn chỉ cần có ở công ty mẹ.

2.2.3. Một số điểm bất cập bộc lộ trong quá trình thí điểm mô hình công ty mẹ - công ty con

- Về quá trình chuyển đổi TCT, công ty nhà nước sang mô hình công ty mẹ - công ty con: hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất ý kiến về trình tự: thành lập công ty mẹ trước (lựa chọn doanh nghiệp làm công ty mẹ, hoặc sáp nhập một số doanh nghiệp và chuyển thành công ty mẹ hay sáp nhập khối văn phòng của TCT với một số công ty hạch toán phụ thuộc ...) hay tiến hành chuyển đổi các đơn vị thành viên TCT thành công ty con, công ty liên kết, hoặc tiến hành song song cả hai quá trình đó?

- Về vấn đề quản lý của công ty mẹ đối với công ty con: một số mô hình công ty mẹ - công ty con còn tỏ ra lúng túng trong quản lý: từ chỗ mọi việc đều theo quy chế do TCT ban hành sang quản lý thông qua người đại diện sở hữu vốn.

- Một số chính sách còn bộc lộ những yếu tố bất hợp lý gây bất lợi cho các doanh nghiệp thuộc công ty mẹ - công ty con; chẳng hạn như: còn có sự đối xử không bình đẳng giữa DNNN và các công ty cổ phần sau cổ phần hóa trong lĩnh vực đầu tư, tín dụng, thuê đất v.v...; chưa có cơ chế chính sách phù hợp nhất để giải quyết triệt để số lao động dôi dư (không nhỏ) của các TCT và công ty nhà nước khi chuyển sang mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho mô hình công ty mẹ - công ty con còn chưa có sự hướng dẫn cụ thể của Nhà nước (thông qua các cơ quan quản lý chức năng) đã gây khó khăn không nhỏ trong công tác

tài chính - kế toán của các doanh nghiệp - một công cụ quan trọng để đánh giá hiệu quả của liên kết kinh tế trong công ty mẹ - công ty con.

3. Một số giải pháp chủ yếu góp phần thúc đẩy quá trình thành lập mô hình công ty mẹ - công ty con

- Về quy trình chuyển đổi từ TCT, công ty nhà nước sang mô hình công ty mẹ - công ty con: trong đợt thí điểm thành lập công ty mẹ - công ty con, tính cho đến nay, hầu hết các TCT, công ty nhà nước ở dạng thí điểm đều tiến hành song song cả hai bước (vừa lập ra công ty mẹ, vừa lập ra các công ty con), điều đó về mặt logic là hợp lý, vì ở đây không có quá trình công ty phát triển đến một mức độ nào đó (có đủ tiềm lực vốn, tiềm lực phát triển kinh tế) để "đẻ" ra công ty con, công ty cháu (như thông lệ ở các nước đang làm); mặt khác, ở nước ta, các TCT, công ty nhà nước đang tồn tại và hoạt động như một thực thể kinh tế. Nhưng đến nay do yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế, buộc các TCT, công ty nhà nước phải chuyển sang mô hình mới, đáp ứng được các yêu cầu trên. Việc chuyển đổi đó không có cách nào khác việc phải cho "song sinh" các công ty mẹ và công ty con.

- Về vấn đề báo cáo tài chính hợp nhất trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con: việc chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp cũng là lẽ đương nhiên, vì đây vẫn đang là quá trình thí điểm chuyển đổi từ TCT, công ty nhà nước sang mô hình công ty mẹ - công ty con. Tuy nhiên, cũng cần có sự thống nhất về quan niệm cũng như phương pháp lập báo cáo này.

Trước hết về quan niệm "báo cáo tài chính hợp nhất toàn tổ hợp công ty mẹ - công ty con":

- Công ty mẹ - công ty con là các đơn vị độc lập thực hiện hạch toán độc lập, có báo cáo tài chính riêng, độc lập. Tổ hợp

công ty mẹ - công ty con không phải là một pháp nhân kinh tế, cho nên chính sách kế toán của từng doanh nghiệp thành viên có thể có chỗ khác nhau. Tuy nhiên, khi cung cấp thông tin hợp nhất phải áp dụng quy định thống nhất cho các giao dịch cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự.

Báo cáo tài chính hợp nhất toàn tổ hợp công ty mẹ - công ty con chỉ có ý nghĩa trong việc phân tích đánh giá hoạt động và đầu tư của tổ hợp, không có tính pháp lý về nghĩa vụ tài chính của đơn vị thành viên cũng như toàn bộ tổ hợp.

- Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất (TCHN) cần được hiểu một cách thống nhất. Báo cáo TCHN được lập từ báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Báo cáo này cần được lập bằng cách kết hợp theo từng chỉ tiêu, cộng các chỉ tiêu lại với nhau theo từng loại tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập, chi phí. Tuy nhiên, để có báo TCHN đầy đủ, khi lập báo cáo đó, cần tiến hành loại trừ một số khoản. Số khoản loại trừ này giúp cho bản báo cáo TCHN không bị tính trùng và do các chuyên gia về tài chính kế toán hướng dẫn. Ví dụ: loại trừ phần số dư các tài khoản phải thu nội bộ (tài khoản 136.8) và các khoản phải trả nội bộ (338.8) trong cùng tổ hợp công ty mẹ - công ty con trên bảng cân đối kế toán hợp nhất⁽¹²⁾.

- Hiện nay, bản dự thảo Nghị định về mô hình công ty mẹ - công ty con đang được gấp rút hoàn thành để trình Chính phủ xem xét, thông qua. Trong bản dự thảo có nhiều điều có tác động tích cực đến mỗi LKKT trong công ty mẹ - công ty con. Chẳng hạn như: công ty mẹ có quyền thay đổi cơ cấu tài sản để phát triển kinh doanh, chuyển nhượng, cho thuê, cầm cố, thế chấp toàn bộ tài sản; Nhà nước không điều chuyển vốn và tài sản của Nhà nước đang nằm trong các công ty mẹ theo phương thức không thanh toán; công ty

mẹ được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần công ty con; công ty mẹ sẽ không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận thu được từ phần góp vốn vào các công ty con và các công ty khác, nếu các công ty đó đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trước khi chia lãi cho các bên góp vốn.

Hy vọng rằng sau khi bản dự thảo Nghị định kể trên được thông qua (cùng với đà phát triển của các tổ hợp công ty mẹ - công ty con (đang thí điểm)) và được triển khai, với việc đổi mới mô hình từ TCT, công ty nhà nước sang mô hình công ty mẹ - công ty con được tăng cường hơn, sẽ làm nòng cốt cho tiến trình thành lập các tập đoàn kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế./.

CHÚ THÍCH

1. Kinh tế học. David begg. T I. Nxb Giáo dục & Đại học, Bộ Giáo dục. 1992. tr. 139
2. Luật Công ty. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

3. Luật Doanh nghiệp nhà nước. Công báo số 14 - 1995. tr.366
4. Quyết định số 38 HĐBT ngày 4-4-1989 của Hội đồng Bộ trưởng về "LKKT trong sản xuất lưu thông, dịch vụ".
5. K.Mark: Tư bản, tập thứ nhất, phần 1. Nxb Tiến bộ M -ST - Hà Nội 1984. tr.119.
6. V.I. Lênin: "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của CNTB". Toàn tập - T 27. Nxb Tiến bộ M - Hà Nội 1977.
7. Dương Bá Phụng. Luận án tiến sỹ: "Vấn đề LKKT giữa sản xuất và thương mại trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường" Hà Nội. 1993. (Thư viện Viện Kinh tế Việt Nam).
8. Mô hình "công ty mẹ - công ty con" ở Trung Quốc. Tạp chí Công nghiệp, số 5/2003. tr. 51.
9. Chuyển TCT nhà nước theo mô hình công ty mẹ - công ty con: Kết quả thí điểm và một số bài học kinh nghiệm. Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 5/2005.
10. Kết quả bước đầu thực hiện thí điểm mô hình tổ chức quản lý mới ở Bộ Công nghiệp: Mô hình công ty mẹ - công ty con. Tạp chí Công nghiệp số 20/2004.
11. "Song sinh" công ty mẹ - công ty con đã đủ điều kiện sống? Tạp chí Công nghiệp, tháng 5/2003.
12. Một số vấn đề về báo cáo tài chính hợp nhất trong mô hình công ty mẹ - công ty con. Tạp chí Phát triển kinh tế, tháng 10/2004.